TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ RIỀNG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Đỗ Tấn Trường
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Khuyến
Ông Nguyễn Sỹ Luận

- *Thư ký phiên toà*: Bà Vũ Thị Duyên -Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa*: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST-HN&GĐ ngày 06/4/2023 về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 52/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2023, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1998; Địa chỉ: Thôn b, Xã P, Huyện P, Tỉnh Bình Phước (Vắng mặt);

+ *Bị đơn*: Ông Cù Văn T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Nơi thường trú: Thôn B, Xã P, Huyện P, Tỉnh Bình Phước;

Địa chỉ liên hệ: Đội 10, Xã L, Huyện T, Thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị O trình bày*:*

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà và ông Cù Văn T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện P vào ngày 10/4/2017.

Qúa trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau về tính cách, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến vợ chồng không thể sống chung được nữa, hiện tại vợ chồng đang

sống ly thân. Bà xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không đạt được mục đích chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Cù Văn T.

[2] *Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Cù Đăng Kh, sinh năm 2017, hiện cháu Kh đang sống chung với ông T nên bà có nguyện vọng tiếp tục giao cháu Kh cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng bà và ông T tự thỏa thuận.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Cù Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị O. Về con chung thống nhất giao con chung cháu Cù Đăng Kh cho ông Cù Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, cấp dưỡng không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng*:

Bà Nguyễn Thị O khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Cù Văn T có nơi thường trú tại Thôn B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước. Tòa án nhân dân huyện P xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn". Căn cứ các Điều 28; 35; 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị O vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Cù Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Qúa trình giải quyết vụ án bị đơn ông Tuấn không nộp văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*:

[a] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị O, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa bà O, ông T là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2017 tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Theo bà O, hôn nhân giữa bà với ông T phát sinh mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích cho bà O các hệ lụy, hậu quả xảy ra khi ly hôn để bà O đoàn tụ tiếp tục chung sống với ông T. Tuy nhiên, bà O xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì đời sống hôn nhân với ông T, bà O cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân giữa bà O và ông T đã trở lên trầm trọng, mục đích chung sống hạnh phúc không đạt được do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, bà O được ly hôn với ông Cù Văn T.

[b] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Bà O và ông T có 01 con chung là cháu Cù Đăng Kh, sinh năm 2017. Khi cha mẹ ly hôn, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Theo bà O trình bày thì hiện cháu Kh đang sống chung với ông T; bà O cũng đồng ý giao cháu Khcho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên được ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Qúa trình giải quyết, các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[c] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 39 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56, 80, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị O;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị O được ly hôn với ông Cù Văn T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị O và ông Cù Văn T chấm dứt kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung cháu Cù Đăng Kh, sinh năm 2017 cho ông Cù Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu Kh trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị O phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016099 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Phú Riềng;
- THADS huyện Phú Riềng;
- Các đương sự;
- UBND xã P;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã mã

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Tấn Trường